



guān mén

关门

verb phrase · close the door; close down

Example Sentences

Qǐng jì de guān mén wài miàn fēng hěn dà.
请记得关门，外面风很大。

Please remember to close the door; it's very windy outside.

Nà jiā lǎo shū diàn qù nián yǐ jīng guān mén le.
那家老书店去年已经关门了。

That old bookstore closed down last year.

Trace each character, then write the word on your own.

关	关	关	关	关	关	关	关	关											
门	门	门	门	门	门														